

Overall length	Thread length	Position on basic dia.	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓ_g	ℓ_s	Ds	K	ℓ_k

S

PT-X

Mũi Taro Sê-ri X Dòng Hand Tap Dành Cho Ren Ống Côn, Loại (ℓ_g) Ngắn
(X Series Hand Taps for Taper Pipe Threads Short (ℓ_g) Type)

Thông Số Kỹ Thuật

HSS

Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

Thép Các Bon Trung Bình
(Medium carbon steels)
中炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Các Bon Cao
(High carbon steels)
高炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Hợp Kim
(Alloy steels)
合金鋼
~5
(m/min)

- Mũi taro X Sê-ri dòng hand tap PT-X, áp dụng loại phôi để làm taro mới, Đảm bảo chiều dài phần nhô ra của mũi taro sau khi kẹp chặt. Có chiều dài phần ren ngắn, mũi taro này phù hợp để taro ren dành cho các chi tiết máy khi có giới hạn về độ dày của chúng.

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

①

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

②

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

③

Hand Taps

④

Cemented
Carbide Taps

⑤

Roll Taps

⑥

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑦

Pipe Taps

⑧

Thread Mills

⑨

Dies

⑩

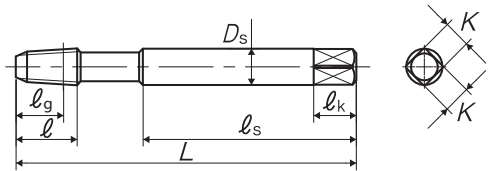
Center Drills
Centering Tools

⑪

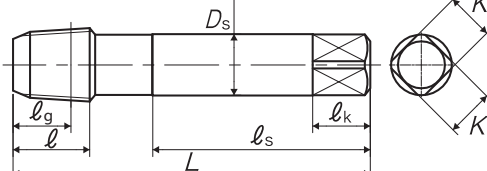
JIS

⑧-10

TYPE :1



TYPE :2



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	ℓ_g (mm)	ℓ_s (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓ_k (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống (For Pipe Threads)														
PT 1/16-28		THX2T01K-8	2.5P	7.723	75	13.5	10.5	47	8	6	9	4	1	¥ 3,470
PT 1/8-28		THX2T02K	2.5P	9.728	75	13.5	10.5	48	8	6	9	4	2	¥ 3,470
PT 1/4-19		THX2T04-	2.5P	13.157	85	16.5	12.5	54	11	9	12	4	2	¥ 4,990
PT 3/8-19		THX2T06-	2.5P	16.662	95	18	14	60	14	11	14	4	2	¥ 8,290
PT 1/2-14		THX2T08Q	2.5P	20.955	105	22.5	17	64	18	14	17	4	2	¥ 13,500